

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 03 năm 2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trung; Bà Cao Thị Cúc;

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Vũ Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Hồ Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2017/DSST ngày 01 tháng 11 năm 2017 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1993(Có đơn xin xử vắng mặt);

HKTT: Khu 5, phường Đ P , thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;

Hiện trú tại: Tổ 6, khu phố Trung, phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 (Có đơn xin xử vắng mặt)

HKTT: Khu 5, phường Đ P , thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI D VU ÁN:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, chị D trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992, có hộ khẩu thường trú tại khu 5, phường Đ P , thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 25/10/2011. Trước khi kết hôn, hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ P , thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi làm thủ tục đăng ký kết hôn, vợ chồng chị sống cùng với gia đình anh T. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T nợ nần, thường xuyên cá độ bóng đá. Mỗi lần thua tiền, anh T về nhà lại đánh đập, chửi bới và xúc phạm chị. Từ tháng 8/2015 đến nay, chị chuyển vào sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại phường An Lộc, xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Nay xác định tình cảm

vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hòa hợp được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 13/4/2012 và cháu Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 12/4/2015. Hiện nay cháu C đang ở cùng với chị tại Bình Phước, còn cháu M đang ở cùng ông bà nội tại phường Đ P, thành phố Bắc Ninh. Ly hôn chị D có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không có ai nợ vợ chồng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Trong các lời khai, anh T cho rằng: Anh và chị Nguyễn Thị D có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ Phúc, thành phố Bắc Ninh như chị D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống cùng với bố mẹ anh tại khu 5, phường Đ P, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Hai vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Mỗi lần vợ chồng cãi nhau, chị D lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở. Từ tháng 8/2015 đến nay, chị D đã chuyển vào sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại phường An Lộc, xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Nay chị D có đơn xin ly hôn, anh xác định hai vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm với chị D không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị D trình bày là đúng. Hiện nay cháu C đang ở với chị D tại Bình Phước, còn cháu M đang sống cùng anh và bố mẹ anh tại phường Đ P, thành phố Bắc Ninh. Ly hôn anh có nguyện vọng giữ nguyên như hiện tại, anh nuôi cháu M và chị D nuôi cháu C, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng. Vì vậy anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về nội D: Đề nghị HĐXX xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc C cho chị Nguyễn Thị D nuôi dưỡng, chăm sóc; anh Nguyễn Văn T nuôi cháu Nguyễn Ngọc M. Hai bên được quyền đi lại thăm nom con chung. Cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T có thời gian tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ P , thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Như vậy chị D và anh T đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị D và anh T sống với nhau hòa thuận trong khoảng thời gian 02 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, từ tháng 8/2015 đến nay chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã Bình Long, tỉnh Bình Phước để sinh sống. Từ đó đến nay không ai quan tâm ai. Như vậy xác định đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì điều kiện công việc, nên cả chị D và anh T xin được vắng mặt tại phiên tòa, xong chị D giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh T. Anh T cũng cho rằng vợ chồng sống ly thân đã lâu, giữa hai người không còn tình cảm, không ai quan tâm đến ai nên anh đồng ý ly hôn chị D.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác do công việc, học tập hay vì lý do chính đáng khác. Tuy nhiên chị D và anh T vì lý do mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể hòa giải được mà đã không sống chung với nhau hơn 02 năm nay, vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị D có đơn xin ly hôn, anh T đồng ý. Xét thấy chị D và anh T sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị D được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị D anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 13/4/2012 và cháu Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 12/4/2015. Hiện nay cháu C đang ở cùng với chị D tại Bình Phước, còn cháu M đang ở cùng anh T và ông bà nội tại phường Đ P , thành phố Bắc Ninh. Ly hôn chị D có nguyện vọng nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có nguyện vọng được nuôi cháu M và anh đồng ý để chị D nuôi cháu C, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cùng bên nào. Xét thấy: Cháu C còn rất nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu đang sống ổn định cùng chị D còn cháu M đang theo học tại phường Đ Phúc, sống cùng gia đình anh T, được chăm sóc đầy đủ, chu đáo. Để đảm bảo ổn định cuộc sống và sự phát triển của các cháu cần giữ nguyên như hiện nay là phù hợp.

Về tài sản, công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147, 228, 235, 254, 262, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 12/4/2015 cho chị Nguyễn Thị D nuôi dưỡng, chăm sóc; Anh Nguyễn Văn T nuôi cháu Nguyễn Ngọc M sinh ngày 14/3/2012 .

Cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Hai bên được quyền đi lại thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận chị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2017/0000457 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh).

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết kết quả bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSNDTP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP Bắc Ninh;
- UBND phường Đ P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Hương